

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/HNGĐ - ST

Ngày 25/6/2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hương và bà Trần Thị Thảo Yến.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội, tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1996; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn L, xã K, huyện P, TP Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 25, xóm 1, thôn Đ, xã K, huyện T, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn H, sinh năm 1994; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn L, xã K, huyện P, TP Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị với anh Cao Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng kí kết hôn ngày 08/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, Thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh H ở thôn L, xã K. Anh chị chung sống đến tháng 8 năm 2018 anh H chấp hành án phạt tù tới cuối năm 2021 trở về địa phương, vợ chồng tiếp tục chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do có nhiều điểm không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn tới cãi vã, va chạm xô xát nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, từ cuối năm 2021 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh chị nhiều lần hoà giải nhưng không thể đoàn tụ. Do mâu thuẫn trầm trọng, ly thân đã lâu không thể đoàn tụ nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Chị T và anh H có 01 con chung là Cao Diệp A, sinh ngày 05/7/2018; ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị T làm tư vấn viên và lễ tân tại Trung tâm phẫu thuật và tạo hình thẩm mỹ BCA ở 278 đường L, phường T, quận N, Thành phố Hà Nội, với thu nhập khoảng 9 triệu đồng/1 tháng. Chị T đang ở tại nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 25, xóm 1, thôn Đ, xã K, huyện T, Thành phố Hà Nội.

Chị T không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

Chị T nhất trí nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với anh Cao Văn H, đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không cung cấp ý kiến, không đến Tòa án. Phía gia đình anh Cao Văn H cho biết: Vợ chồng anh H chị T kết hôn từ năm 2017 tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ anh H ở thôn L, xã K. Vợ chồng chung sống được khoảng 1 năm thì anh H bị kết án phạt tù tới năm 2021 trở về địa phương, vợ chồng tiếp tục chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do có nhiều điểm không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn tới ly thân khoảng 2 năm nay. Từ tháng 4 năm 2024 gia đình đã nhận thay các văn bản của Tòa án và thông báo cho anh H. Anh H có quan điểm chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn; về con chung anh và chị T có 01 con chung là Cao Diệp A sinh ngày 05/7/2018, ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh H có quan điểm vợ chồng không có tài sản chung và

công nợ chung; anh H có quan điểm vắng mặt tại Toà án vì bản thân đã có tiền án nên không muốn tới Toà án làm việc.

- Đại diện UBND xã K cung cấp:

Chị Lê Thị T và anh Cao Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, Thành phố Hà Nội. Anh chị chung sống đến năm 2018 thì anh H bị kết án phạt tù tới năm 2021 trở về địa phương, vợ chồng tiếp tục chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do có nhiều điểm không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn tới ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Anh H vẫn đăng ký thường trú tại địa phương, không có địa chỉ cư trú khác. Vợ chồng anh H chị T có 01 con chung là Cao Diệp A sinh ngày 05/7/2018, đề nghị Tòa giải quyết việc ly hôn và giao con theo quy định của pháp luật, cân nhắc việc thực tế chị T trực tiếp nuôi con từ khi ly thân tới nay.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh Cao Văn H vắng mặt không có lý do. Do đó việc xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T, HĐXX nhận thấy rằng:

[3.1] Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Cao Văn H là hôn nhân hợp pháp. Qua các chứng cứ, cho thấy, trong quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị Thúy đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật

Hôn nhân và gia đình, vợ chồng không sống chung với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Thúy.

[3.2] Về nuôi con chung sau ly hôn: Chị T và anh H có 01 con chung Cao Diệp A, sinh ngày 05/7/2018. Hội đồng xét xử xét thấy kể từ vợ chồng ly thân cuối năm 2021 cho đến nay con chung do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và anh H đồng ý. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con chung và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 143; 144; 147; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 54, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Cao Văn H.

2. Về con chung:

Chị Lê Thị T và anh Cao Văn H có một con chung là Cao Diệp A, sinh ngày 05/7/2018. Giao chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Cao Diệp A, sinh ngày 05/7/2018 và tạm hoãn cho anh Cao Văn H việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, anh Cao Văn H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0015441 ngày 22/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án...

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Anh Tuấn